



THỜI HẠN VÀ GIA HẠN THỜI HẠN BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC

(Điều 19, Điều 20 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước 2025)

Theo Điều 19 và Điều 20 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2025, thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước được xác định theo từng độ mật và tính từ thời điểm xác định bí mật nhà nước. Thời hạn này do pháp luật quy định, bảo đảm phù hợp với mức độ quan trọng của thông tin đối với lợi ích quốc gia. Trường hợp hết thời hạn mà bí mật nhà nước vẫn cần tiếp tục bảo vệ thì được xem xét gia hạn theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và phải có căn cứ rõ ràng. Hết thời hạn bảo vệ mà không gia hạn thì bí mật nhà nước được giải mật theo quy định pháp luật.

I. THỜI HẠN BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC (Điều 19)

1. Thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước là khoảng thời gian được tính từ ngày xác định độ mật của bí mật nhà nước đến hết thời gian sau đây:

- 30 năm đối với bí mật nhà nước độ Tuyệt mật;
- 20 năm đối với bí mật nhà nước độ Tối mật;
- 10 năm đối với bí mật nhà nước độ Mật.

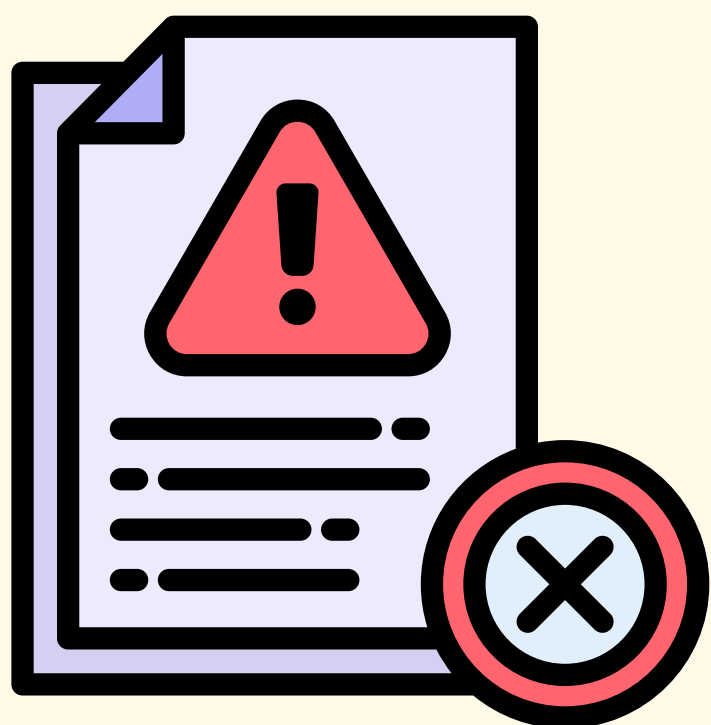


2. Thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước có thể ngắn hơn 30 năm đối với bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, 20 năm đối với bí mật nhà nước độ Tối mật, 10 năm đối với bí mật nhà nước độ Mật và phải xác định tại tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước bằng dấu “Thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước” hoặc hình thức phù hợp khác khi xác định độ mật.

3. Thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước đối với tài liệu bí mật nhà nước là dự thảo hoặc tài liệu khác không thể hiện ngày xác định độ mật thì được xác định bằng dấu “Thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước”.



THỜI HẠN BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC



4. Trường hợp sử dụng bí mật nhà nước của cơ quan, tổ chức khác, thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước được tính từ ngày cơ quan, tổ chức khác xác định bí mật nhà nước và thực hiện bằng dấu “Thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước”.

5. Thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước về địa điểm kết thúc khi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền không sử dụng địa điểm bí mật nhà nước.



II. GIA HẠN THỜI HẠN BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC (Điều 20)



1. Bí mật nhà nước khi hết thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước nếu giải mật có thể gây nguy hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc thì được gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Việc gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước đối với trường hợp Tuyệt mật, Tối mật và Mật được quy định như sau:

- *Chậm nhất 60 ngày trước ngày hết thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước, người có thẩm quyền xác định bí mật nhà nước quyết định gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước;*



- *Mỗi lần gia hạn không quá 30 năm đối với bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, 20 năm đối với bí mật nhà nước độ Tối mật, 10 năm đối với bí mật nhà nước độ Mật;*

- *Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày gia hạn, cơ quan, tổ chức gia hạn phải thông báo bằng văn bản đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.*



3. Việc gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước đối với bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật và Mật được thực hiện như sau:

- Trước khi hết thời hạn hoặc khi hết thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước, người có thẩm quyền xác định bí mật nhà nước quyết định gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước nếu việc giải mật có thể gây nguy hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc;

- Cơ quan, tổ chức gia hạn phải thông báo bằng văn bản đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.



4. Bí mật nhà nước sau khi gia hạn phải được đóng dấu, có văn bản hoặc hình thức phù hợp khác xác định việc gia hạn.



5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khi nhận được thông báo về việc gia hạn có trách nhiệm đóng dấu, có văn bản hoặc hình thức phù hợp khác xác định việc gia hạn đối với bí mật nhà nước thuộc phạm vi quản lý.

6. Chính phủ quy định việc gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước đối với văn bản điện tử bí mật nhà nước.



Luật Bảo vệ bí mật nhà nước 2025 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2026.



Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau thực hiện
(Tháng 12/2025)

